

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Thành	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	(bổ nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2023) (miễn nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2024)
Ông Đoàn Hải Chiến	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	(miễn nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2023)
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	(bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2024)
	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2024)
Ông Nguyễn Quang Luân	Thành viên	
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên	
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Luân	Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Quế Lâm	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Ông Ngô Quang Tiến	Trưởng ban	(bổ nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2023)
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Trưởng ban	(miễn nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2023)
Ông Phạm Văn Tuyên	Thành viên	
Bà Hà Thị Hải Yến	Thành viên	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Xuân Hồng - Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Quang Luân - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Quang Luân
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2024

Số: 033007/2024/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi khoản cho vay không có tài sản đảm bảo đối với Công ty TNHH Sơn Lạc Viên với số tiền 20.670.000.000 đồng. Với tất cả các tài liệu thu thập được trong quá trình kiểm toán, chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi khoản cho vay này. Do vậy, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng bổ sung với khoản phải thu về cho vay nêu trên và điều chỉnh các chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 288.008.230.325 đồng. Lũy kế của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 164.792.052.136 đồng và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 140.819.880.425 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc có lãi trong tương lai và sự huy động tăng vốn từ các cổ đông để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh (*) mục 17.a phần V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ việc tăng vốn 55.000.000.000 đồng theo Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 05 năm 2022 của Công ty.

Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán viên không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh trên.



Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Đặng Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5169-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.386.624.046	101.302.110.535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.010.015.508	60.103.949.835
1. Tiền	111		4.710.015.508	57.103.949.835
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.300.000.000	3.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.121.465.337	41.012.611.033
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	31.554.702.494	25.718.019.647
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.987.583.313	218.512.708
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	45.670.000.000	13.370.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.909.179.530	1.706.078.678
III. Hàng tồn kho	140		85.272.000	46.502.500
1. Hàng tồn kho	141	V.6	85.272.000	46.502.500
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		169.871.201	139.047.167
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	169.871.201	139.047.167
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		555.552.349.070	613.885.364.625
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	49.815.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	49.815.000
II. Tài sản cố định	220		545.685.979.333	600.199.202.471
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	545.685.979.333	600.199.202.471
- Nguyên giá	222		1.158.562.356.859	1.158.530.356.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(612.876.377.526)	(558.331.154.388)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.250.000.000	1.540.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	4.000.000.000	4.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.10	(2.750.000.000)	(2.750.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	290.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		8.616.369.737	12.096.347.154
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	8.616.369.737	12.096.347.154
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		656.938.973.116	715.187.475.160


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		592.262.403.267	674.483.077.022
I. Nợ ngắn hạn	310		389.394.854.371	378.056.003.712
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.721.120.339	5.804.189.122
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	3.285.411.942	3.282.975.095
3. Phải trả người lao động	314		2.307.540.491	844.000.000
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	295.997.680.004	326.761.488.915
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13a	1.902.748.414	1.902.748.414
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	6.404.304.675	6.916.734.372
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	74.776.048.506	32.543.867.794
II. Nợ dài hạn	330		202.867.548.896	296.427.073.310
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.13b	13.319.238.896	15.221.987.310
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	1.250.000.000	1.250.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	188.298.310.000	279.955.086.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.676.569.849	40.704.398.138
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	64.676.569.849	40.704.398.138
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		207.460.000.000	207.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		207.460.000.000	207.460.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(450.529.676)	(450.529.676)
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.513.020.050)	(1.513.020.050)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(140.819.880.425)	(164.792.052.136)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(164.792.052.136)	(220.627.636.267)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		23.972.171.711	55.835.584.131
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		656.938.973.116	715.187.475.160


Bùi Lan Hương
Người lập
Ngày 30 tháng 03 năm 2024


Bùi Lan Hương
Kế toán trưởng


Nguyễn Quang Luân
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	151.133.481.582	195.982.292.813
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		151.133.481.582	195.982.292.813
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	90.316.836.601	95.350.822.090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.816.644.981	100.631.470.723
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.110.339.720	1.152.933.785
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34.066.902.817	34.561.335.803
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.999.864.791	32.776.798.171
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.461.746.089	6.853.046.655
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.398.335.795	60.370.022.050
10. Thu nhập khác	31		-	724.037.971
11. Chi phí khác	32	VI.6	200.625.000	1.136.773.340
12. Lợi nhuận khác	40		(200.625.000)	(412.735.369)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.197.710.795	59.957.286.681
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	2.225.539.084	4.121.702.550
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.972.171.711	55.835.584.131
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.162	3.502
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.162	3.502

Bùi Lan Hương
Người lập
Ngày 30 tháng 03 năm 2024

Bùi Lan Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Luân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.197.710.795	59.957.286.681
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	54.545.223.138	54.625.020.084
Các khoản dự phòng	03	-	(15.844.097.519)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.110.339.720)	(1.687.017.949)
Chi phí lãi vay	06	33.999.864.791	32.776.798.171
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	109.632.459.004	129.827.989.468
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(8.368.736.305)	10.164.924.682
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(38.769.500)	-
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.122.783.579)	(53.865.284.456)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	3.449.153.383	(3.118.741.721)
Tiền lãi vay đã trả	14	(64.748.673.702)	(72.631.570.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.150.025.061)	(6.177.288.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35.652.624.240	4.200.029.664
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(32.000.000)	(232.490.995)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	618.181.818
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(135.100.000.000)	(92.370.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	103.090.000.000	90.827.000.000
5. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	720.036.721	3.101.517.755
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.321.963.279)	1.944.208.578
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	55.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(49.424.595.288)	(43.874.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(49.424.595.288)	11.126.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(45.093.934.327)	17.270.238.242
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	60.103.949.835	42.833.711.593
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	15.010.015.508	60.103.949.835



Bùi Lan Hương
Người lập
Ngày 30 tháng 03 năm 2024



Bùi Lan Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Luân
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (trước đây là Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên) (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 1203000045 ngày 09 tháng 03 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 cấp ngày 25 tháng 03 năm 2024.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 595/QĐ-SGDHN ngày 21 tháng 09 năm 2016 với mã chứng khoán là SP2.

Công ty có trụ sở chính tại Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai.

Vốn điều lệ của Công ty là 207.460.000.000 đồng; tương đương 20.746.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là bán điện thương phẩm.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	Bản Dền, xã Bản Hồ, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai	40%	40%	Xây dựng nhà các loại

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

6. Nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 38 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 36 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 288.008.230.325 đồng. Lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 164.792.052.136 đồng và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 140.819.880.425 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh nhiều năm gần đây nhất vẫn có giá trị dương. Thêm vào đó, kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây đều có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông. Công ty cũng đã huy động tăng vốn từ cổ đông để thanh toán các khoản công nợ đến hạn của các nhà thầu thi công Dự án thủy điện Sử Pán 2.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải	05 - 18
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa,... Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 có doanh thu hoạt động của dự án hưởng ưu đãi từ năm 2012. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000147 lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2009 và thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 12 năm 2011, Công ty có dự án Thủy điện Sử Pán 2. Mục tiêu để sản xuất điện hòa vào lưới điện quốc gia, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phát điện lên lưới điện Quốc gia.

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 04 dự án mới phát sinh doanh thu. Do đó căn cứ vào các quy định trên Công ty được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế như sau:

- Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm;
- Thời gian miễn thuế 04 năm từ năm 2015-2018;
- Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo từ năm 2019-2027.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	44.680.279	174.857.670
Tiền gửi ngân hàng	4.665.335.229	56.929.092.165
Các khoản tương đương tiền (*)	10.300.000.000	3.000.000.000
Cộng	15.010.015.508	60.103.949.835

(*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai có kỳ hạn 01 tháng, lãi suất từ 2,1%/năm đến 2,3%/năm.

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	31.554.702.494	25.718.019.647
Cộng	31.554.702.494	25.718.019.647

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Quảng Ly	2.722.632.242	-
Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển thương mại Tây Bắc	-	98.213.150
Các đối tượng khác	264.951.071	120.299.558
Cộng	2.987.583.313	218.512.708

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Sơn Lạc Viên (i)	45.670.000.000	13.370.000.000
Cộng	45.670.000.000	13.370.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(i) Khoản cho Công ty TNHH Sơn Lạc Viên vay theo các hợp đồng:

- Hợp đồng số 2311/2022/HĐVV/SP2-SLV ngày 23 tháng 11 năm 2022 với số tiền vay 7.870.000.000 đồng và các phụ lục gia hạn. Thời hạn khoản cho vay đến ngày 22 tháng 07 năm 2024. Mục đích để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sơn Lạc Viên. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay là 10,3%/năm.
- Hợp đồng số 0401/2023/HĐVV/SP2-SPL ngày 04 tháng 01 năm 2023 và các phụ lục đính kèm với số tiền vay 37.800.000.000 đồng. Thời hạn khoản cho vay đến ngày 04 tháng 07 năm 2024. Mục đích để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sơn Lạc Viên. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay là 10,3%/năm.

Đến ngày 28 tháng 03 năm 2024, Công ty TNHH Sơn Lạc Viên đã chuyển trả cho Công ty số tiền 25.000.000.000 đồng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	1.191.172.950	1.055.870.748
Các khoản phải thu khác (*)	4.718.006.580	650.207.930
Cộng	5.909.179.530	1.706.078.678

(*) Bao gồm khoản lãi vay phải thu Công ty TNHH Sơn Lạc Viên với số tiền 4.635.909.360 đồng. Ngày 21 tháng 03 năm 2024, Công ty TNHH Sơn Lạc Viên đã thanh toán toàn bộ tiền lãi vay này cho Công ty.

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	85.272.000	-	46.502.500	-
Cộng	85.272.000	-	46.502.500	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	154.309.035	121.545.067
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	15.562.166	16.274.825
Chi phí phân bổ khác	-	1.227.275
Cộng	169.871.201	139.047.167
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa	6.814.086.173	11.054.428.419
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	891.614.228	572.635.116
Chi phí trả trước khác	910.669.336	469.283.619
Cộng	8.616.369.737	12.096.347.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp/ bù trừ trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	806.067.444	13.214.747.508	13.409.747.226	611.067.726
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.150.025.061	2.225.539.084	2.150.025.061	1.225.539.084
Thuế thu nhập cá nhân	5.450.148	88.587.585	89.289.199	4.748.534
Thuế tài nguyên	953.294.138	12.172.994.320	12.570.295.448	555.993.010
Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác	368.138.304	6.537.659.970	6.017.734.686	888.063.588
Cộng	3.282.975.095	34.239.528.467	34.237.091.620	3.285.411.942

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	569.227.727.436	477.371.685.712	111.375.764.711	555.179.000	1.158.530.356.859
Mua trong năm	-	32.000.000	-	-	32.000.000
Tại ngày cuối năm	569.227.727.436	477.403.685.712	111.375.764.711	555.179.000	1.158.562.356.859
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	251.237.842.603	249.259.713.018	57.372.772.160	460.826.607	558.331.154.388
Khấu hao trong năm	22.850.214.744	25.480.871.045	6.164.894.784	49.242.565	54.545.223.138
Tại ngày cuối năm	274.088.057.347	274.740.584.063	63.537.666.944	510.069.172	612.876.377.526
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	317.989.884.833	228.111.972.694	54.002.992.551	94.352.393	600.199.202.471
Tại ngày cuối năm	295.139.670.089	202.663.101.649	47.838.097.767	45.109.828	545.685.979.333

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2
Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa,
Tỉnh Lào Cai

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 542.955.919.473 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 596.714.839.617 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.409.189.329 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.087.034.329 đồng).

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	40,00%	4.000.000.000	(*)	(2.750.000.000)	40,00%	4.000.000.000	(*)	(2.750.000.000)
Cộng		4.000.000.000		(2.750.000.000)		4.000.000.000		(2.750.000.000)

(*) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán và Chuẩn mực nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.737.964.535	2.737.964.535	2.737.964.535	2.737.964.535
Tổng Công ty Sông Đà	-	-	1.191.787.103	1.191.787.103
Các nhà cung cấp khác	1.983.155.804	1.983.155.804	1.874.437.484	1.874.437.484
Cộng	4.721.120.339	4.721.120.339	5.804.189.122	5.804.189.122

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	292.052.985.141	322.801.794.052
Trích trước chi phí phải trả chi phí xây dựng công trình Thủy điện Sử Pán 2 theo quyết toán	3.830.092.863	3.830.092.863
Chi phí phải trả khác	114.602.000	129.602.000
Cộng	295.997.680.004	326.761.488.915

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây	1.902.748.414	1.902.748.414
Cộng	1.902.748.414	1.902.748.414
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây	13.319.238.896	15.221.987.310
Cộng	13.319.238.896	15.221.987.310

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	250.557.737	195.237.737
Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)	5.500.000.000	5.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	653.746.938	1.221.496.635
Cộng	6.404.304.675	6.916.734.372
b) Dài hạn		
Nhận ủy thác của cán bộ nhân viên để đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	1.250.000.000	1.250.000.000
Cộng	1.250.000.000	1.250.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	25.632.272.506	25.632.272.506	-	6.911.595.288	32.543.867.794	32.543.867.794
Tổng Công ty Sông Đà (*)	25.632.272.506	25.632.272.506	-	6.911.595.288	32.543.867.794	32.543.867.794
+ Gốc vay	7.591.787.103	7.591.787.103	-	6.908.212.897	14.500.000.000	14.500.000.000
+ Lãi vay nhập gốc	18.040.485.403	18.040.485.403	-	3.382.391	18.043.867.794	18.043.867.794
Vay dài hạn đến hạn trả	49.143.776.000	49.143.776.000	-	-	-	-
Cộng	74.776.048.506	74.776.048.506	-	-	32.543.867.794	32.543.867.794

(*) Vay Tổng Công ty Sông Đà theo hợp đồng số 06/2011/HĐTĐ/TĐSD-SĐHL với số dư gốc vay là 15 tỷ đồng. Phần lãi vay phát sinh hàng năm của khoản vay này và phần lãi phát sinh từ khoản nợ phải trả người bán được Công ty nhập gốc nợ vay, lũy kế đến 01 tháng 01 năm 2019 là 18.040.485.403 đồng.

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ dài hạn	237.442.086.000	237.442.086.000	-	42.513.000.000	279.955.086.000	279.955.086.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	118.496.249.000	118.496.249.000	-	20.848.000.000	139.344.249.000	139.344.249.000
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	118.945.837.000	118.945.837.000	-	21.665.000.000	140.610.837.000	140.610.837.000
Vay dài hạn đến hạn trả	(49.143.776.000)	(49.143.776.000)	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	(26.153.049.000)	(26.153.049.000)	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	(22.990.727.000)	(22.990.727.000)	-	-	-	-
Cộng	188.298.310.000	188.298.310.000	-	-	279.955.086.000	279.955.086.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tài trợ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) cùng các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐ ngày 28 tháng 12 năm 2012 và số 01/2013/HĐ ngày 17 tháng 05 năm 2013. Tổng số tiền vay tối đa là 813.817.430.279 đồng, thời hạn vay là 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng). Lãi suất vay hiện tại là 10,3 %/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Sử Pán 2 (bao gồm tài sản hiện có và hình thành trong tương lai) cùng Quyền sử dụng đất tại dự án Thủy điện Sử Pán 2 của bên vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	49.143.776.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	188.298.310.000	279.955.086.000
Cộng	237.442.086.000	279.955.086.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	49.143.776.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	188.298.310.000	279.955.086.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	152.460.000.000	(242.129.676)	(1.513.020.050)	(69.922.785.993)						
Vốn góp tăng trong năm	55.000.000.000	-	-	55.000.000.000						
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	55.835.584.131						
Chi phí liên quan đến phát hành cổ phiếu	-	(208.400.000)	-	(208.400.000)						
Số dư đầu năm	207.460.000.000	(450.529.676)	(1.513.020.050)	(164.792.052.136)						
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	23.972.171.711						
Số dư cuối năm nay	207.460.000.000	(450.529.676)	(1.513.020.050)	(140.819.880.425)						

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã sử dụng 22.787.811.911 đồng trong số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu để thanh toán cho các nhà thầu thi công Dự án thủy điện Sử Pán 2. Bao gồm:

STT	Đối tượng	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	8.100.000.000	
2	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	4.721.823.557	
3	Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	7.631.261.618	
4	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	863.289.775	
5	Công ty Cổ phần Sông Đà 25	1.471.436.961	
	Cộng	22.787.811.911	
	Số tiền chưa sử dụng theo mục đích phát hành	32.212.188.089	(*)

(*) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa thực hiện trả nợ ngắn hạn và trả nợ nhà thầu thi công Dự án thủy điện Sử Pán 2 theo như Nghị quyết số 20/2022/NQ-HDQT ngày 31 tháng 05 năm 2022 với số tiền là 32.212.188.089 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 cấp ngày 25 tháng 03 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 207.460.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Năng lượng REE	59.568.000.000	28,71%	-	0,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng An Xuân	52.044.300.000	25,09%	26.890.500.000	12,96%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Việt Nam	33.885.500.000	16,33%	33.885.500.000	16,33%
Ông Mai Đình Nhật	21.114.500.000	10,18%	21.114.500.000	10,18%
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	-	0,00%	34.586.800.000	16,67%
Ông Nguyễn Phong Danh	-	0,00%	31.008.000.000	14,95%
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	-	0,00%	28.060.000.000	13,53%
Các đối tượng khác	40.847.700.000	19,69%	31.914.700.000	15,38%
Cộng	207.460.000.000	100%	207.460.000.000	100%

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.746.000	20.746.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.746.000	20.746.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.746.000	20.746.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	123.000	123.000
- Cổ phiếu phổ thông	123.000	123.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.623.000	20.623.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.623.000	20.623.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Bùi Khắc Hoàng	825.000.000	825.000.000
Dự án Nậm Cùn	14.654.688.095	14.654.688.095
Công ty TNHH Phú Đức	875.036.951	875.036.951
Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Phúc	331.284.942	331.284.942
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp 368	47.464.154	47.464.154
Xí nghiệp điện cao thế Miền Bắc	311.500.000	311.500.000
Công ty Luật TNHH VFI	270.500.000	270.500.000
Văn phòng Luật sư (Kiện SD 7)	50.000.000	50.000.000
Công ty Luật TNHH Vinabiz	15.000.000	15.000.000
Ông Trương Quang Thịnh	298.964.000	298.964.000
Cộng	17.679.438.142	17.679.438.142

Việc xóa sổ các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Nghị quyết số 3012.1/NQ-SP2-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2. Các khoản công nợ quá hạn với thời gian trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng. Công ty đã phối hợp với các bộ phận để liên lạc thu hồi tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa thu hồi được các khoản công nợ nêu trên.

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là bán điện thương phẩm và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	149.230.733.168	193.001.033.392
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê đường dây	1.902.748.414	1.902.748.414
Doanh thu dịch vụ khác	-	1.078.511.007
Cộng	151.133.481.582	195.982.292.813

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	89.633.363.066	93.736.916.008
Giá vốn của dịch vụ cho thuê đường dây đã cung cấp	683.473.535	537.990.689
Giá vốn dịch vụ khác	-	1.075.915.393
Cộng	90.316.836.601	95.350.822.090

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.085.979.720	1.133.996.785
Lãi đầu tư trái phiếu	24.360.000	18.937.000
Cộng	5.110.339.720	1.152.933.785

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	33.999.864.791	32.776.798.171
Dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	1.680.590.623
Chi phí tài chính khác	67.038.026	103.947.009
Cộng	34.066.902.817	34.561.335.803

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	8.881.437	39.007.282
Chi phí nhân công	3.585.739.784	4.404.335.456
Chi phí khấu hao TSCĐ	273.575.748	282.226.938
Thuế, phí, lệ phí	10.960.030	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.035.293.162	1.165.171.153
Chi phí bằng tiền khác	547.295.928	807.555.826
Giá trị của các khoản nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ chưa trích lập dự phòng	-	154.750.000
Cộng	5.461.746.089	6.853.046.655

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thuế bị truy thu, tiền phạt vi phạm hành chính	-	969.342.068
Các khoản khác	200.625.000	167.431.272
Cộng	200.625.000	1.136.773.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.197.710.795	59.957.286.681
<u>Thu nhập hưởng ưu đãi thuế</u>	20.156.895.501	58.497.799.943
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	190.625.000	17.509.304.090
Các khoản chi phí không được trừ	190.625.000	17.509.304.090
<u>Thu nhập tính thuế</u>	20.347.520.501	76.007.104.033
Thuế suất ưu đãi	5%	5%
<u>Thuế TNDN</u>	1.017.376.025	3.800.355.202
<u>Thu nhập không hưởng ưu đãi thuế</u>	6.040.815.294	1.459.486.738
Chi phí không được trừ	-	-
<u>Thu nhập tính thuế</u>	6.040.815.294	1.459.486.738
Thuế suất	20%	20%
<u>Thuế TNDN</u>	1.208.163.059	291.897.348
Chi phí thuế TNDN truy thu theo biên bản thanh tra thuế	-	29.450.000
<u>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</u>	<u>2.225.539.084</u>	<u>4.121.702.550</u>

8. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.972.171.711	55.835.584.131
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
<u>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	23.972.171.711	55.835.584.131
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.623.000	15.942.483
<u>Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu</u>	<u>1.162</u>	<u>3.502</u>

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	279.222.937	39.007.282
Chi phí nhân công	9.028.000.328	9.999.917.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.545.223.138	54.625.020.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.740.908.368	13.953.022.431
Chi phí khác bằng tiền	20.185.227.919	23.432.151.425
Giá trị của các khoản nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ chưa trích lập dự phòng	-	154.750.000
<u>Cộng</u>	<u>95.778.582.690</u>	<u>102.203.868.745</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa,
Tỉnh Lào Cai**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	Công ty liên kết
Công ty TNHH Năng lượng REE	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Năng lượng An Xuân	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Việt Nam	Cổ đông lớn
Ông Mai Đình Nhật	Cổ đông lớn
Ông Trần Đức Thành (miễn nhiệm chủ tịch HĐQT ngày 15 tháng 03 năm 2024)	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Quang Luân	Tổng Giám đốc
Các thành viên khác trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Ông Đoàn Hải Chiến - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2023)	227.720.000	670.160.000
Ông Trần Đức Thành - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 08 tháng 04 năm 2023 đến ngày 15 tháng 03 năm 2024)	368.080.000	-
Ông Nguyễn Xuân Hồng - Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2024)	49.470.000	565.365.411
Ông Nguyễn Phong Danh - Thành viên HĐQT	48.000.000	20.000.000
Ông Mai Đình Nhật - Thành viên HĐQT	48.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Quang Luân - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	211.040.000	48.000.000
Ông Bùi Quang Chung - Thư ký HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	311.800.000	299.440.000
Ông Bùi Quế Lâm - Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2023)	326.422.813	24.180.000
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt - Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2023)	16.000.000	20.000.000
Ông Ngô Quang Tiến - Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2023)	32.000.000	-
Ông Phạm Văn Tuyền - Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Bà Hà Thị Hải Yến - Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Các thành viên khác	-	52.477.244
Cộng	1.710.532.813	1.791.622.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 0 đồng.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 49.424.595.288 đồng.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

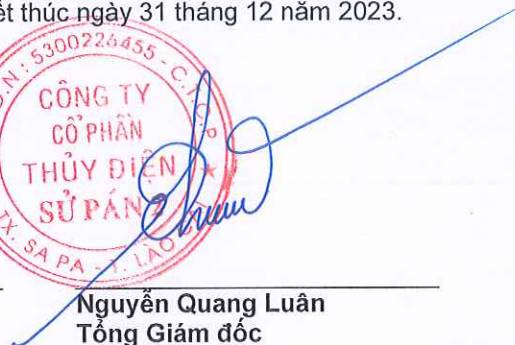
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.



Bùi Lan Hương
Người lập
Ngày 30 tháng 03 năm 2024



Bùi Lan Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Luân
Tổng Giám đốc

A.H.H. 1/24